

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2021/HS-ST**

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B, TỈNH Đ**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Công Danh**

Ông **Nguyễn Trung Diễn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Quang Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân T phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Xuân Toàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 186/2021/QĐ-HPT ngày 08/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T (T chó), sinh năm: 1991 tại N;

HKTT: Xóm 3, thôn B, xã Vân Diên, huyện N, tỉnh N.

Nơi đã cư trú: Tổ 6, khu phố V, phường P, TP B, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Họ tên cha: Trần Văn Tân, sinh năm 1966 (còn sống).

Họ tên mẹ: Hồ Thị Phương, sinh năm 1963 (còn sống).

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con.

Tiền án: 03 tiền án.

Ngày 28/12/2009, bị Tòa án nhân dân T phố B xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 698;

Ngày 30/9/2014, bị Tòa án nhân dân T phố B xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 629;

Ngày 31/3/2016, bị Tòa án nhân dân T phố B xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 207.

Tiền sự: không.

Bị bắt: Ngày 10/11/2020.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ T phố B (*Bị cáo có mặt*).

2. Họ và tên: Phạm Tuấn Đức (Hắc), sinh năm: 1996 tại T;

HKTT: Thôn Tường Yên (thôn 4), xã C, huyện C, tỉnh T.

Nơi đã cư trú: Thôn 21, khu phố Hương Phước, phường P, T phố B, tỉnh Đ

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Họ tên cha: Phạm Minh Tuấn, sinh năm 1969 (Còn sống).

Họ tên mẹ: Đỗ Thị Thuyết, sinh năm 1973 (Còn sống).

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 06/9/2018, bị Tòa án nhân dân T phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 297.

Tiền sự: không.

Bị bắt: Ngày 10/11/2020.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ T phố B (*Bị cáo có mặt*).

3. Họ và tên: Quách Thanh L (Lé), sinh năm: 1992 tại C;

HKTT: Ấp Đất Sét, xã P, huyện P, tỉnh C.

Nơi đã cư trú: Khu phố 3, phường L, T phố B, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Họ tên cha: Quách Văn Khởi, sinh năm 1963 (Còn sống).

Họ tên mẹ: Trần Thanh Nhanh, sinh năm 1963 (Còn sống).

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự : Không

Bị bắt: Ngày 10/11/2020.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ T phố B (*Bị cáo có mặt*).

- Bị hại: 1. Anh Phan Nguyễn Anh T, sinh năm 1977 – (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 537A, tổ 28, khu phố 3, phường L, T phố B, tỉnh Đ.

2. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1990 – (*Có đơn vắng mặt*)

Địa chỉ: tổ 38, khu phố V, phường P, T phố B, tỉnh Đ.

3. Chị Vi Thị T, sinh năm 1986 – (*Có đơn vắng mặt*)

Địa chỉ: tổ 3, khu phố Hương Phước, phường P, T phố B, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm: 1977 – (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu phố Thắng Lợi 2, phường D, T phố D, tỉnh B.

2. Anh Vũ Dục Minh, sinh năm: 1963 – (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 12, đường DT 743A, khu phố 2, phường B, T phố D, tỉnh B.

3. Anh Nguyễn T Đồng, sinh năm: 1990 – (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 213, tổ 17, khu phố 3, phường L, T phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, Phạm Tuấn Đức, Quách Thanh L là những đối tượng không có việc làm, sử dụng ma túy. Để có tiền tiêu xài cá nhân, từ ngày 15/10/2020 đến 09/11/2020, T, Đức và L đã thực hiện các vụ trộm cắp, tiêu thụ tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 15/10/2020, Trần Văn T đi bộ đến nhà anh Phan Nguyễn Anh T, sinh năm 1977, ngụ tại số 537A, tổ 28, khu phố 3, phường L, T phố B. Lợi dụng xung quanh không có người, T đi vào hành lang, leo lên mái tôn, rồi đột nhập vào trong nhà lấy 01 máy tính xách tay hiệu Sam Sung, 01 điện thoại di động hiệu Asus và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J6 của anh T. T cầm máy tính trên tay còn 02 chiếc điện thoại T bỏ vào túi quần và mở cửa đi ra ngoài. Lúc này Phan Nguyễn Anh Trung, sinh năm 2005 là con của anh T đang ngủ trên gác phát hiện tri hô thì T dùng ổ khóa có sẵn trên cửa khóa từ bên ngoài để ngăn không cho Trung đuổi theo mình. Sau đó, T gọi điện thoại cho Quách Thanh L đến chở T về khu vực công 11, phường Long Bình, T phố B và đưa máy tính, 2 điện thoại vừa trộm cắp được cho L đi tiêu thụ. L biết tài sản T vừa trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý bán giúp T. Máy tính xách tay và điện thoại di động hiệu Sam Sung J6, L bán tại tiệm mua bán điện thoại ở phường Long Bình, T phố B (L không nhớ tên và địa chỉ) được 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), điện thoại Asus L đưa đến tiệm điện thoại “Hoàng Lâm 2” địa chỉ 213, tổ 17, khu phố 3, phường L, T phố B do anh Nguyễn T Đồng, sinh năm 1990, ngụ tại địa chỉ trên làm chủ cầm được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). L đưa cho T 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng), T chia cho L 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), T giữ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Số tiền này T và L tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 điện thoại di động hiệu Asus, số Imei: 354343093326466 là tài sản của anh Phan Nguyễn Anh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP B đã thu hồi trả lại cho anh T.

01 điện thoại di động hiệu Samsung J6, 01 máy tính xách tay hiệu Samsung do không xác định được địa điểm L đã bán nên không thu hồi được.

01 chứng minh nhân dân mang tên Quách Thanh L, chuyển xử lý cùng vụ án.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 592/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phố B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Asus và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J6 có tổng giá trị là 2.954.600 đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng); Chiếc máy tính xách tay hiệu Samsung không thu hồi được và không rõ chủng loại, model nên không đủ cơ sở để định giá.

Về dân sự: anh Phan Nguyễn Anh T yêu cầu Trần Văn T và Quách Thanh L bồi thường số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); anh Nguyễn T Đồng không yêu cầu bồi thường. Bị cáo T, L chưa bồi thường.

Vụ thứ hai: Rạng sáng ngày 22/10/2020, Phạm Tuấn Đức cùng với đối tượng tên Cu và một người bạn của Cu (Không rõ nhân thân lai lịch) đi trên 01 xe mô tô (Không rõ nhãn hiệu và biển số) của Cu đến phường P, T phố B tìm tài sản để trộm

cấp. Khi đến trước nhà chị Vũ Thị T, sinh năm 1990, ngụ tại tổ 38, khu phố V, phường P, T phố B phát hiện xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60F2-613.25 dựng trong sân nhà, bên ngoài cổng đã khóa. Đức đứng bên ngoài cảnh giới, Cu và bạn của Cu sử dụng kim công lực đem theo cắt ổ khóa, mở cổng dắt xe ra bên ngoài, rồi cả 03 đối tượng điều khiển xe chạy về khu vực cổng 11 phường Long Bình, T phố B. Cu đem xe mô tô vừa trộm cắp ở trên đi bán được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), về đưa cho Đức và bạn của Cu mỗi người 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Số tiền này Đức tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ:

01 ổ khóa màu vàng nhãn hiệu Rarlux bị cắt, chuyển xử lý cùng vụ án.

Xe mô tô hiệu Honda-Vison, biển số 60F2-613.25, số máy 0303649, số khung 303553 chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại Kết luận định giá tài sản số 590/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự T phố B kết luận: 01 xe mô tô, gắn máy biển số 60F2-613.25 có giá trị là 22.260.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Về dân sự: chị Vũ Thị T yêu cầu bồi thường giá trị xe Honda Vision, biển số 60F2-613.25 với số tiền 22.260.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo Đức chưa bồi thường.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 09/11/2020, Trần Văn T chở Phạm Tuấn Đức đi kiểm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà của chị Vi Thị T, sinh năm 1986, thuộc tổ 3, khu phố Hương Phước, phường P, T phố B thì phát hiện cửa cổng khóa nhưng cửa nhà mở, bên trong hiên nhà có dựng xe mô tô hiệu Honda-Airblade, biển số 60B1-317.56 và xe mô tô hiệu Atila, biển số 37H1- 191.13. Trên ổ khóa điện xe Honda-Airblade có cắm sẵn chùm chìa khóa xe và khóa cổng. T dùng cây phoi đồ bằng tre dài khoảng 2m móc lấy chùm chìa khóa mở cổng và đột nhập vào trong nhà lấy trộm 02 xe mô tô trên. Ngoài ra, T còn lấy được một điện thoại di động hiệu Oppo và một điện thoại di động hiệu Huawei, một ví da bên trong có giấy đăng ký xe và chứng minh nhân dân của chị T. Sau khi trộm được tài sản, T và Đức đến gặp Quách Thanh L nói cho L biết vừa trộm được 02 xe mô tô và nhờ L đưa đi bán, L đồng ý. Sau đó, L bán xe Honda-Airblade biển số 60B1- 317.56 cho đối tượng tên Lộc (không rõ lai lịch) giá 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng) và đưa cho Đức thì Đức chia cho L 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng), chia cho T 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), Đức giữ 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên T, Đức, L tiêu xài cá nhân hết; L và Đức bán xe mô tô hiệu Atila biển số 37H1- 191.13 cho anh Vũ Dục Minh, sinh năm 1963 (Chủ tiệm cầm đồ Minh T), địa chỉ số 12, đường DT743A khu phố 2, phường B, T phố D, tỉnh B giá 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng), Đức đưa cho L 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiêu xài cá nhân, số tiền còn lại T và Đức mua ma túy sử dụng chung. Anh Minh bán lại xe trên cho anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1977, ngụ tại khu phố Thắng Lợi 2, phường D, T phố D, tỉnh B giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Điện thoại Oppo T bán cho người không rõ lai lịch giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), điện thoại

Huawei T đưa cho Đức cất giữ để sử dụng; Ngày 09/11/2020, Công an T phố B phối hợp với Công an phường P, T phố B đưa T, Đức, L về trụ sở để làm việc. Quá trình làm việc, T, Đức, L đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

Xe mô tô hiệu SYM Atila, biển số 37H1-19113, số máy MVJ3AD001140, số khung 12TMFD001140; Giấy chứng nhận đăng ký xe, chứng minh nhân dân mang tên Vi Thị T và điện thoại di động hiệu Huawei, số Imei 868009034592966 là tài sản của chị Vi Thị T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố B đã thu hồi trả lại cho chị T.

Xe mô tô hiệu HONDA-Airblade, biển số 60B1-317.56, số máy 0786780, số khung 065311 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Xe mô tô hiệu YAMAHA Sirius biển số 60C1-008.54, số khung: 071765, số máy 215062, thu giữ của Phạm Tuấn Đức. Qua tra cứu thông tin xe mô tô có biển số 60C1-008.54 là xe Wave S, số khung 071765, số máy 1616132. Đức khai xe Đức mượn của người tên Cu không rõ nhân thân lai lịch sử dụng đi trộm cắp tài sản. Các thông tin về loại xe, số máy của xe tạm giữ với thông tin tra cứu không khớp nhau. Hiện chưa xác định được chủ sở hữu của xe mô tô trên nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

01 cây phơi đồ bằng tre dài khoảng 2m, Trần Văn T sử dụng để móc chìa khóa mở cửa trộm cắp tài sản, chuyển xử lý cùng vụ án.

Kết luận định giá tài sản số 503/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự T phố B kết luận: xe mô tô hiệu HONDA-Airblade, biển số 60B1-317.56; xe mô tô hiệu SYM Atila, biển số 37H1-191.13; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 và 01 điện thoại di động hiệu Huawei có tổng giá trị là 46.932.500 đồng (Bốn mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Về dân sự: chị Vi Thị T yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô Honda-Airblade biển số 60B1-317.56 và điện thoại di động hiệu Oppo A39 số tiền 30.842.500 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng); anh Nguyễn Xuân D yêu cầu bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh Vũ Đức Minh không yêu cầu bồi thường (Bút lục 79, 80, 98). Các bị cáo chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 95/CT-VKSBH ngày 27 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân T phố B đã truy tố bị cáo Trần Văn T, Phạm Tuấn Đức về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173; bị cáo Quách Thanh L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường và đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Phạm Tuấn Đức phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Tuấn Đức 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

2. Tuyên bố bị cáo Quách Thanh L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Quách Thanh L từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

Về phần dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại theo quy định.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị Tòa án tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây phoi đồ bằng tre dài khoảng 2m, Trần Văn T sử dụng để móc chìa khóa mở cửa trộm cắp tài sản; Trả lại cho chị Vũ Thị T 01 ổ khóa màu vàng nhãn hiệu Rarlux bị cắt; Trả lại cho Quách Thanh L 01 chứng minh nhân dân của L không liên quan đến tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân T phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận vào từ ngày 15/10/2020 đến 09/11/2020, Trần Văn T, Phạm Tuấn Đức và Quách Thanh L đã thực hiện các vụ trộm cắp, tiêu thụ tài sản sau:

Khoảng 10 giờ ngày 15/10/2020, T đột nhập nhà anh Phan Nguyễn Anh T tại số 537A, tổ 28, khu phố 3, phường L, T phỏ B trộm cắp 01 máy tính xách tay hiệu Sam Sung, 01 điện thoại di động hiệu Asus và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J6 của anh T rồi đưa cho L đi tiêu thụ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo định giá là 2.954.600 đồng (Hai triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).

Rạng sáng ngày 22/10/2020, Đức cùng đối tượng tên Cu và một người bạn của Cu (Không rõ nhân thân lai lịch) trộm cắp xe mô tô hiệu Hon da Vision, biển số 60F2-613.25 của chị Vũ Thị T tại nhà không số, tổ 38, khu phố V, phường P, T phỏ B. Giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt là 22.260.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Khoảng 01 giờ ngày 09/11/2020, T và Đức có hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Honda-Airblade biển số 60B1-317.56, xe mô tô hiệu Atila biển số 37H1-19113, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 và 01 điện thoại di động hiệu Huawei của chị Vi Thị T tại nhà không số thuộc tổ 3, khu phố Hương Phước, phường P, T phỏ B, rồi đưa 02 chiếc xe trên cho L đi tiêu thụ. Điện thoại Oppo T bán cho người không rõ lai lịch, điện thoại Huawei T đưa cho Đức cất giữ để sử dụng. Tổng giá trị tài sản T và Đức chiếm đoạt ở trên là 46.932.500 đồng (Bốn mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của các bị cáo T, Đức đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định khoản 2 Điều 173 (bị cáo T có 03 tiền án nay tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm, bị cáo Đức có 01 tiền án nên phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm và số tiền chiếm đoạt được là trên 50 triệu). Bị cáo L thực hiện hành vi đủ yếu tố cấu T tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân T phỏ B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội tại địa phương, các bị cáo đã có sự bàn bạc từ trước, chủ động thực hiện tội phạm. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T và Đức trực tiếp thực hành trộm cắp tài sản. Bị cáo L là người tiêu thụ tài sản do T và Đức trộm cắp. Bị cáo Trần Văn T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tổng số tiền 49.887.100 đồng (Bốn mươi chín triệu, tám trăm tám

mười bảy nghìn, một trăm đồng); Phạm Tuấn Đức tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tổng số tiền 69.192.500 đồng (Sáu mươi chín triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng); bị cáo Quách Thanh L thực hiện 02 vụ tiêu thụ tài sản do Trần Văn T và Phạm Tuấn Đức chiếm đoạt có giá trị là 46.799.600 đồng (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm đồng), các bị cáo phạm vào các tình tiết định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có điều kiện giáo dục các bị cáo T người tốt cho xã hội, có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn T phạm vào tình tiết phạm tội 02 lần trở lên (Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự);

Bị cáo Phạm Tuấn Đức phạm vào tình tiết phạm tội 02 lần trở lên (Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự), Tái phạm (Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự);

Bị cáo Quách Thanh L phạm vào tình tiết phạm tội 02 lần trở lên (Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo có thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo L có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về phần dân sự: buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

Các bị cáo T, Đức, L phải liên đới bồi thường cho chị Vi Thị T số tiền 30.842.500 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng);

Các bị cáo T, Đức, L phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Xuân D số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

Các bị cáo T, L phải liên đới bồi thường cho anh Phan Nguyễn Anh T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); anh Nguyễn T Đồng không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo Đức phải bồi thường cho chị Vũ Thị T số tiền 22.260.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

[8] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy 01 cây phoi đồ bằng tre dài khoảng 2m, Trần Văn T sử dụng để móc chìa khóa mở cửa trộm cắp tài sản; Trả lại cho chị Vũ Thị T 01 ổ khóa màu vàng nhãn hiệu

Rarlux bị cắt; Trả lại cho Quách Thanh L 01 chứng minh nhân dân của L không liên quan đến tội phạm.

[9] Về vấn đề khác:

Ngoài ra, Quách Thanh L còn khai đối tượng Hoàng (Không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ L bán xe Sirius (Không rõ biển số) do Hoàng trộm cắp cho người tên Lộc (Không rõ nhân thân, lai lịch) được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hiện chưa xác định được thông tin của chiếc xe Sirius trên và bị hại, không thu hồi được xe, nên Cơ quan điều tra xác minh xử lý sau.

Ngày 10/10/2020, anh Phan Nguyễn Anh T giao xe mô tô biển số 60H5-1050 và một máy cắt sắt cho Quách Thanh L đi làm. L cầm tài sản trên cho người không rõ tên địa chỉ được 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng). Hiện nay, tài sản chưa thu hồi được. Quách Thanh L không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Giá trị định giá của xe mô tô biển số 60H5-1050 là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm nghìn đồng), chiếc máy cắt không định giá được để xác định giá trị. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý hình sự L về hành vi trên.

Đối với đối tượng tên Cu và bạn của Cu do chưa xác định được nhân thân lai lịch để làm việc, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[11] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn Đức phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Tuấn Đức 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,.

Tuyên bố bị cáo Quách Thanh L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo **Quách Thanh L 14 (Mười bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2020.

2. Về phần dân sự: Căn cứ Điều 587, 589 Bộ luật dân sự 2015, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Buộc các bị cáo T, Đức, L phải bồi thường cho chị Vi Thị T số tiền 30.842.500 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 10.290.000 đồng.

Buộc các bị cáo T, Đức, L phải bồi thường cho anh Nguyễn Xuân D số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 1.340.000 đồng.

Buộc các bị cáo T, L phải bồi thường cho anh Phan Nguyễn Anh T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Đức phải bồi thường cho chị Vũ Thị T số tiền 22.260.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự : Tịch thu tiêu hủy 01 cây phoi đồ bằng tre dài khoảng 2m; Trả lại cho chị Vũ Thị T 01 ổ khóa màu vàng nhãn hiệu Rarlux bị cắt; Trả lại cho Quách Thanh L 01 chứng minh nhân dân của L (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự T phố B)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 732.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai ngàn đồng)

Bị cáo Đức phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.695.000 đồng (Một triệu sáu trăm chín lăm đồng).

Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 732.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND T phố B;
- VKSND tỉnh Đ;
- Công an T phố B;
- Chi cục THADS T phố B;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Lưu.

Trần Thị Cẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa